GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **116** /QĐ-HĐTS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp Nhiệm kỳ 1 (2026 - 2031)

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;*
- *Căn cứ công văn 2443/SNV-DTTG ngày 07/04/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp;*
- *Căn cứ tờ trình số 060/BTS-VP1 ngày 16/04/2026 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 1 (2026-2031).*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 1 (2026-2031), gồm 21 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 12 thành viên Chứng minh Phân Ban Ni giới; 104 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Uỷ viên 60 vị, Uỷ viên dự khuyết 09 vị)* do Thượng toạ Thích Tĩnh Triệt làm Trưởng ban.

Điều 2: Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Tháp và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- UBMTTQVN tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp;
- PA02 CA tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VP1, VP2.

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0015
Số: 116/QĐ-HĐTS · 22/04/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH ĐỒNG THÁP
NHIỆM KỲ 1 (2026-2031)

(Theo Quyết định số 116 /QĐ-HĐTS ngày 22/04/2026)

A. BAN CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 21 vị

1. Hoà thượng Thích Huệ Minh (Chùa Tân Thạnh)
2. Hoà thượng Thích Đạt Quảng
3. Hoà thượng Thích Nhật Quang
4. Hoà thượng Thích Huệ Tâm
5. Hoà thượng Thích Phước Thông
6. Hoà thượng Thích Hoằng Đức
7. Hoà thượng Thích Giác Nhân
8. Hoà thượng Thích Trí Huờn
9. Hoà thượng Thích Quảng Tường
10. Hoà thượng Thích Hạnh Trân
11. Hoà thượng Thích Giác Tây
12. Hoà thượng Thích Thiện Nhẫn
13. Hoà thượng Thích Huệ Minh (Chùa Thiền Quang)
14. Hoà thượng Thích Thiện Xuân
15. Hoà thượng Thích Phước Đức
16. Hoà thượng Thích Huệ Thủ
17. Hoà thượng Thích Huệ Nghĩa
18. Hoà thượng Thích Thiện Nghĩa
19. Hoà thượng Thích Thiện Thông
20. Thượng toạ Thích Minh Thuần
21. Thượng toạ Thích Bửu Hiền

C. CHỨNG MINH PHÂN BAN NI GIỚI: 12 vị

1. Ni trưởng Thích Nữ Tân Liên
2. Ni trưởng Thích Nữ Như Hòa
3. Ni trưởng Thích Nữ Như Nhẫn
4. Ni trưởng Thích Nữ Nhựt Huệ
5. Ni trưởng Thích Nữ Long Chơn

6. Ni trưởng Thích Nữ Minh Châu
7. Ni trưởng Thích Nữ Tịnh Nghiêm
8. Ni trưởng Thích Nữ Đồng Liên
9. Ni trưởng Thích Nữ Tắc Hoa
10. Ni trưởng Thích Nữ Như Trung
11. Ni trưởng Thích Nữ Như Nguyên
12. Ni trưởng Thích Nữ Tuyết Liên

D. BAN TRỊ SỰ: 104 vị

I. Ban Thường trực: 35 vị

TT	Pháp danh/Thế danh	Năm sinh	Chức vụ
1	**TT. Thích Tĩnh Triệt** (Trần Thanh Bình)	1967	Trưởng ban BTS, phụ trách Tăng sự
2	**TT. Thích Quảng Lộc** (Đặng Văn Hảo)	1974	Phó Trưởng Ban Thường trực BTS
3	**TT. Thích Chơn Trí** (Võ Quốc Hùng)	1973	Phó Trưởng Ban Thường trực BTS
4	**ĐĐ. Thích Huệ Phát** (Mai Phát Thủ)	1987	Phó Trưởng Ban kiêm Chánh Thư ký BTS
5	**TT. Thích Phước Huệ** (Nguyễn Hữu Bình)	1980	Phó Trưởng Ban BTS
6	**TT. Thích Giác Nguyên** (Đặng Tấn Lộc)	1974	Phó Trưởng Ban BTS
7	**TT. Thích Minh Sơn** (Nguyễn Văn Luận)	1966	Phó trưởng Ban BTS
8	**ĐĐ. Thích Minh Bửu** (Nguyễn Thanh Hồng)	1974	Phó Trưởng Ban BTS
9	**NT. Thích Nữ Huệ Năng** (Nguyễn Thị Nghi)	1961	Phó trưởng Ban BTS, Trưởng Phân Ban Ni giới
10	**NS. Thích Nữ Như Lan** (Huỳnh Thị Thu Hương)	1966	Phó trưởng Ban BTS
11	**ĐĐ. Thích Chí Thiện** (Trần Vĩnh Thanh)	1984	Phó Thư ký, Chánh Văn phòng
12	**ĐĐ. Thích Đức Minh** (Nguyễn Văn Bửu)	1979	Phó thư ký, phụ trách TTTT

13	**TT. Thích Trí Khả** (Lê Văn Nhẫn)	1978	Phó Thư Ký
14	**TT. Thích Thiện Hữu** (Nguyễn Văn Dũng)	1969	Uỷ viên Thường trực, phụ trách Giáo dục Phật giáo
15	**TT. Thích Trung Chánh** (Nguyễn Tấn Đáng)	1972	Uỷ viên Thường trực, phụ trách Pháp chế - Kiểm Soát
16	**TT. Thích Lệ Hiếu** (Hồ Văn Tuấn)	1970	Uỷ viên Thường trực, phụ trách KTTC-TTXH
17	**TT. Thích Thiện Thật** (Lê Văn Đúng)	1975	Uỷ viên Thường trực, phụ trách Hướng dẫn Phật tử - Hoằng pháp
18	**TT. Thích Hải Châu** (Nguyễn Thành Nghĩa)	1975	Uỷ viên Thường trực, phụ trách Văn hóa – Nghi lễ
19	**ĐĐ. Thích Minh Chuyển** (Lê Thanh Nhàn)	1980	Uỷ viên Thường trực, phụ trách Phật giáo Quốc Tế
20	**NS. Thích Nữ Như Phượng** (Võ Thị Hồng Loan)	1966	Thủ quỹ
21	**TT. Thích Nhuận Đức** (Phan Văn Nước)	1977	Ủy viên Thường trực
22	**TT. Thích Thiện Lưu** (Nguyễn Văn Lượm)	1970	Ủy viên Thường trực
23	**HT. Thích Bửu Hòa** (Lê Văn Sáng)	1960	Ủy viên Thường trực
24	**TT. Thích Thiện Nguyện** (Đào Quang Toại)	1975	Ủy viên Thường trực
25	**ĐĐ. Thích Thiện Pháp** (Đỗ Minh Đạt)	1983	Ủy viên Thường trực
26	**TT. Thích Lệ Nhật** (Nguyễn Xuân Oánh)	1969	Ủy viên Thường trực
27	**ĐĐ. Thích Minh Phước** (Lê Hoàng Phú)	1975	Ủy viên Thường trực
28	**TT. Thích Đức Thắng** (Võ Văn Sang)	1971	Ủy viên Thường trực
29	**TT. Thích Thiện Chí** (Phạm Tấn Sĩ)	1970	Ủy viên Thường trực

30	**TT. Thích Quảng Nhuận** (Mai Ngọc Dũng)	1969	Ủy viên Thường trực
31	**TT. Thích Minh Độ** (Phạm Phú Đắc)	1978	Ủy viên Thường trực
32	**ĐĐ.** Thích Nguyên Từ (Nguyễn Anh Phong)	1971	Ủy viên Thường trực
33	**NS. Thích Nữ Diệu Tâm** (Nguyễn Thị Chuộng)	1972	Ủy viên Thường trực
34	**NS. Thích Nữ Lệ Thanh** (Lê Thị Diệu)	1968	Ủy viên Thường trực
35	**NS. Thích Nữ Tuệ Liên** (Huyền Tôn Nữ Quý Liên)	1960	Ủy viên Thường trực

II. Uỷ viên: 60 vị

36	**TT. Thích Mẫn Đạt** (Dương Minh Vương)	1973	Ủy viên
37	**TT. Thích Nhật Thanh** (Trần Minh Tuấn)	1977	Ủy viên
38	**TT. Thích Minh Tâm** (Lê Văn Trí)	1972	Ủy viên
39	**TT. Thích Minh Đạo** (Huỳnh Văn Hữu Danh)	1976	Ủy viên
40	**TT. Thích Phước Thông** (Lương Hữu Hoàng)	1972	Ủy viên
41	**TT. Thích Huệ Chơn** (Từ Minh Sơn)	1974	Ủy viên
42	**TT. Thích Trung Phước** (Huỳnh Ngọc Ẩn)	1966	Ủy viên
43	**ĐĐ. Thích Trúc Thông Kim** (Trần Thanh Nhàn)	1968	Ủy viên
44	**ĐĐ. Thích Phước Hạnh** (Phan Như Huỳnh)	1991	Ủy viên
45	**ĐĐ. Thích Lệ Ngộ** (Nguyễn Văn Tâm)	1988	Ủy viên
46	**ĐĐ. Thích Minh Thiền** (Nguyễn Minh Thảo)	1977	Ủy viên

47	**ĐĐ. Thích Minh Nhã** (Huỳnh Nhựt Nam)	1987	Ủy viên
48	**ĐĐ. Thích Đạo Quang** (Trần Hoàng Huy)	1980	Ủy viên
49	**ĐĐ.** Thích Lệ Huệ (Nguyễn Xuân Thạnh)	1985	Ủy viên
50	**ĐĐ. Thích Thiện Bảo** (Bùi Huỳnh Nho)	1992	Ủy viên
51	**ĐĐ. Thích Minh Ngộ** (Phạm Hoài Ân)	1982	Ủy viên
52	**ĐĐ. Thích Trung Chánh** (Nguyễn Thành Nam)	1992	Ủy viên
53	**ĐĐ. Thích Nhuận Nghĩa** (Nguyễn Thanh Vị)	1989	Ủy viên
54	**ĐĐ. Thích Như Tùng** (Hồ Lê Hiệp)	1987	Ủy viên
55	**ĐĐ. Thích Huệ Nghiêm** (Nguyễn Hoàng Dũng)	1988	Ủy viên
56	**ĐĐ. Thích Trí Nguyên** (Nguyễn Anh Tuấn Khải)	1991	Ủy viên
57	**ĐĐ. Thích Đạo Tâm** (Lưu Tuấn Khanh)	1985	Ủy viên
58	**ĐĐ. Thích Đức Hiếu** (Nguyễn Văn Chung)	1988	Ủy viên
59	**ĐĐ. Thích Nguyên Trường** (Lê Ngọc Chương)	1982	Ủy viên
60	**ĐĐ. Thích Trí Ân** (Võ Văn Minh)	1984	Ủy viên
61	**TT. Thích Nguyên Thanh** (Lê Trường Vũ)	1975	Ủy viên
62	**TT. Thích Tâm Hoa** (Nguyễn Minh Tâm)	1970	Ủy viên
63	**TT. Thích Minh Bảo** (Nguyễn Văn Hây)	1976	Ủy viên
64	**ĐĐ. Thích Trí Thắng** (Lê Minh Vương)	1985	Ủy viên

65	**ĐĐ. Thích Nguyên Hiển** (Lê Văn Út)	1988	Ủy viên
66	**ĐĐ. Thích Trí Kiểm** (Nguyễn Xuân Hân)	1982	Ủy viên
67	**ĐĐ. Thích Ngọc Minh** (Huỳnh Vũ Khanh)	1988	Ủy viên
68	**ĐĐ. Thích Trí Nghiêm** (Bùi Thành Công)	1985	Ủy viên
69	**ĐĐ. Thích Bổn Quang** (Nguyễn Hoàng Vinh)	1994	Ủy viên
70	**ĐĐ. Thích Hoằng Hiền** (Trần Quang Thiện)	1988	Ủy viên
71	**ĐĐ. Thích Đạt Ma Kiến Tỉnh** (Bùi Thanh Kim)	1982	Ủy viên
72	**ĐĐ. Thích Bổn Trí** (Lê Thanh Hòa)	1999	Ủy viên
73	**ĐĐ. Thích Minh Niệm** (Huỳnh Quốc Tín)	1996	Ủy viên
74	**ĐĐ. Thích Thiện Hỷ** (Nguyễn Phúc Hậu)	1994	Ủy viên
75	**NT. Thích Nữ Huệ Thông** (Phan Thị Thu Hồng)	1962	Ủy viên
76	**NS. Thích Nữ Như Thanh** (Nguyễn Thị Thẻ)	1963	Ủy viên
77	**NS. Thích Nữ Như Trang** (Lê Thị Kim Dung)	1963	Ủy viên
78	**NS. Thích Nữ Lệ Nguyệt** (Võ Thị Tuyết Minh)	1967	Ủy viên
79	**NS. Thích Nữ Tịnh Thủy** (Lương Ái Quyên)	1968	Ủy viên
80	**NS. Thích Nữ Huệ Tịnh** (Ngô Thị Đài Trang)	1973	Ủy viên
81	**NS. Thích Nữ Giác Bửu** (Trần Thị Ánh Hồng)	1970	Ủy viên
82	**NS. Thích Nữ Huệ Quảng** (Đào Nhật Phương Hằng)	1968	Ủy viên

83	**NS. Thích Nữ Như Thuận** (Nguyễn Thị Thu Huyền)	1976	Ủy viên
84	**SC. Thích Nữ Diệu Hòa** (Thạch Thị Minh Hiền)	1980	Ủy viên
85	**SC. Thích Nữ Diệu Thanh** (Nguyễn Phương Thảo)	1973	Ủy viên
86	**SC. Thích Nữ Phúc Thuận** (Nguyễn Thị Nhịn)	1981	Ủy viên
87	**SC. Thích Nữ Minh Ngọc** (Nguyễn Thị Bình)	1986	Ủy viên
88	**SC. Thích Nữ Thiên Thảo** (Thái Thị Trinh)	1987	Ủy viên
89	**SC. Thích Nữ Phước Liên** (Nguyễn Thị Trúc Ly)	1974	Ủy viên
90	**SC. Thích Nữ Diệu Thiện** (Phan Thị Hiền)	1990	Ủy viên
91	**SC. Thích Nữ Hoa Như** (Nguyễn Phạm Ánh Tuyết)	1992	Ủy viên
92	**NS. Thích Nữ Diệu Nhựt** (Nguyễn Thị Thanh Xuân)	1970	Ủy viên
93	**SC. Thích Nữ Như Nhân** (Nguyễn Thị Thi)	1979	Ủy viên
94	**SC. Thích Nữ Nguyên Thảo** (Phạm Thị Kim Cúc)	1980	Ủy viên
95	**SC. Thích Nữ Tánh Hậu** (Mai Ngọc Tân)	1989	Ủy viên

III. Uỷ viên dự khuyết: 09 vị

96	**ĐĐ. Thích Trí Niệm** (Phạm Quốc Thắng)	1976	Ủy viên dự khuyết
97	**ĐĐ. Thích Thiện Tuệ** (Võ Văn An)	1990	Ủy viên dự khuyết
98	**ĐĐ. Thích Thiên Bình** (Nguyễn Minh Đoàn)	1993	Ủy viên dự khuyết

99	**ĐĐ. Thích Minh Nhân** (Nguyễn Quốc Nhân)	1996	Ủy viên dự khuyết
100	**ĐĐ. Thích Thiện Đức** (Nguyễn Minh Đức)	1989	Ủy viên dự khuyết
101	**NS. Thích Nữ Duyên Liên** (Lê Thị Mãnh)	1964	Ủy viên dự khuyết
102	**SC. Thích Nữ Trung Nhân** (Võ Thị Mỹ Dung)	1979	Ủy viên dự khuyết
103	**SC. Thích Nữ Lệ Nghiêm** (Ngô Thị Xuân Trang)	1977	Ủy viên dự khuyết
104	**Phật tử Um Ma Ni** (Trần Hoàng Minh)	1988	Ủy viên dự khuyết

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Hoà thượng Thích Thiện Nhơn

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0015
Số: 116/QĐ-HĐTS · 22/04/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc